

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 6 - 2021

*“V/v Tranh chấp về chia tài sản chung
của vợ chồng sau khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hành và ông Lê Văn Đăng

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp *“V/v Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm: 1974; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thế L, sinh năm: 1976; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2020, tại bản tự khai, các biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế L đã được Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự tại Quyết định số 58/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Chị G và anh L thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con; về tài sản thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị và anh L không thỏa thuận được việc phân chia tài sản, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn gồm: 01 thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13, có diện tích 337,3m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD571073 do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh cấp ngày 06/6/2011 mang tên Nguyễn Thế L và Nguyễn Thị G, địa chỉ thửa đất: thôn T, xã , huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Trị giá khoảng 1.000.000.000 đồng. 01 ngôi nhà hai tầng kiên cố, có diện tích sàn xây dựng 200m² tọa lạc trên thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13, trị giá khoảng 1.000.000.000

đồng, 01 thửa đất số 311, tờ bản đồ số 16, có diện tích 100m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 783787 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/6/2018 địa chỉ thửa đất: Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trị giá 930.000.000 đồng. 02 máy làm bún, bánh trị giá 100.000.000 đồng. 05 cây vàng trị giá 220.000.000 đồng. 01 bộ bàn ghế Âu Á gỗ trị giá 50.000.000 đồng. 01 tủ thờ trị giá 20.000.000 đồng. 01 ti vi và giàn karaoke trị giá 30.000.000 đồng. Chị Gấm có nguyện vọng chia đôi tài sản chung vợ chồng và xin lấy thửa đất tại Đà Nẵng.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2020, và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thế L trình bày: Anh thống nhất Anh và chị G đã thuận tình ly hôn nhưng chưa giải quyết tài sản, tài sản chung của anh chị gồm: 01 thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13, có diện tích 337,3m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD571073 do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh cấp ngày 06/6/2011 mang tên Nguyễn Thế L và Nguyễn Thị G, địa chỉ thửa đất: Thôn Tì, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, là lô đất của bố mẹ anh để lại cho anh. 01 ngôi nhà hai tầng kiên cố, có diện tích sàn xây dựng 200m² tọa lạc trên thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13, trị giá khoảng 500.000.000 đồng, 01 thửa đất số 311, tờ bản đồ số 16, có diện tích 100m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 783787 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/6/2018 địa chỉ thửa đất: Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng trị giá 930.000.000 đồng. 02 máy làm bún, bánh trị giá 7.000.000 đồng. 05 cây vàng. 01 bộ bàn ghế Âu Á gỗ trị giá 30.000.000 đồng. 01 tủ thờ trị giá 16.000.000 đồng. 01 ti vi và giàn karaoke nay hư hỏng không có giá trị.

Về nhà và đất tại thôn T, xã G, huyện Q anh có nguyện vọng để lại cho con trai là Nguyễn Văn N, 05 cây vàng để lại cho con gái là Nguyễn Thị Thảo N, những tài sản trong nhà cô G muốn lấy gì thì lấy, thửa đất tại Đà Nẵng anh và chị G bán chia đôi.

Do các bên không thống nhất giá trị tài sản nên nguyên đơn chị Nguyễn Thị G có đơn xin định giá độc lập.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 16/11/2020 của Công ty cổ phần định giá và tư vấn đầu tư Đà Nẵng xác định:

- Đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 343, tờ bản đồ số 13 và quyền sở hữu công trình xây dựng tại thôn T, xã G, huyện Q: Giá trị tài sản 2.007.820.100 đồng.

+ *Quyền sử dụng đất*: Trị giá 972.320.100 đồng. Trong đó: Đất ở tại nông thôn diện tích 67,8m² giá trị tài sản 900.926.400 đồng. Đất ở tại nông thôn thuộc hành lang giao thông diện tích 32,2m² giá trị tài sản 63.562.800 đồng. Đất trồng cây hàng năm khác thuộc hành lang giao thông diện tích 237,3m² giá trị tài sản 7.830.900 đồng.

+ *Đối với quyền sở hữu công trình xây dựng*: Nhà ở diện tích 200 m² giá trị tài sản 1.035.500.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 311, tờ bản đồ số 16 tại lô 11 phân khu B2-20, Khu tái định cư số 6 thuộc vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến đường ĐT 602, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Đất ở tại nông thôn diện tích 100m² giá trị tài sản 1.500.000.000 đồng.

- Tài sản khác: Máy làm bún 01 máy giá trị tài sản 15.000.000 đồng. Máy làm bánh 01 máy giá trị tài sản 15.000.000 đồng. Bàn ghế Âu Á 01 bộ giá trị tài sản 30.000.000 đồng. Tủ thờ 01 bộ giá trị tài sản 16.000.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản: 3.583.820.100 đồng. (Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, tám trăm hai mươi ngàn, một trăm đồng)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đảm bảo đúng quy định của pháp luật

2. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 59, 60, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn: Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Tổng trị giá tài sản là 3.583.820.100 đồng, chia đôi cho mỗi người là 1.791.910.000. Nếu ai đồng ý nhận tài sản thì có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch cho bên không nhận.

- Đình chỉ xét xử 05 cây vàng 9999 do chị Nguyễn Thị G rút yêu cầu khởi kiện.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí chia tài sản và án phí đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn anh Nguyễn Thế L cư trú tại: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Đây là vụ án tranh chấp chia tài sản sau ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện và phân chia tài sản: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất yêu cầu chia tài sản chung do nguyên đơn và bị đơn tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13, có diện tích 337,3m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD571073 tại do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh cấp ngày 06/6/2011 mang tên Nguyễn Thế L và Nguyễn Thị G, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; 01 ngôi nhà hai tầng kiên cố, có diện tích sàn xây dựng 200m² tọa lạc trên thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13 tại thôn T, xã G, huyện Q; 01 thửa đất số 311, tờ bản đồ số 16, có diện tích 100m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 783787 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/6/2018, địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện H, thành phố Đ; 01 máy làm bún; 01 máy làm bánh; 01 bộ bàn ghế Âu Á gỗ; 01 tủ thờ. Còn 05 cây vàng 9999 vợ chồng tự thỏa thuận chia.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 16/11/2020 của Công ty cổ phần định giá và tư vấn đầu tư Đà Nẵng xác định:

- Đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 343, tờ bản đồ số 13 và quyền sở hữu công trình xây dựng tại thôn Tiên Vinh, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh: Giá trị tài sản 2.007.820.100 đồng.

+ *Quyền sử dụng đất*: Trị giá 972.320.100 đồng. Trong đó: Đất ở tại nông thôn diện tích 67,8m² giá trị tài sản 900.926.400đồng. Đất ở tại nông thôn thuộc hành lang giao thông diện tích 32.2m² giá trị tài sản 63.562.800đồng. Đất trồng cây hàng năm khác thuộc hành lang giao thông diện tích 237.3m² giá trị tài sản 7.830.900đồng.

+ *Đối với quyền sở hữu công trình xây dựng*: Nhà ở diện tích 200 m² giá trị tài sản 1.035.500.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 311, tờ bản đồ số 16 tại lô 11 phân khu B2-20, Khu tái định cư số 6 thuộc vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến đường ĐT 602, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Đất ở tại nông thôn diện tích 100m² giá trị tài sản 1.500.000.000 đồng.

- Tài sản khác: Máy làm bún 01 máy giá trị tài sản 15.000.000 đồng. Máy làm bánh 01 máy giá trị tài sản 15.000.000 đồng. Bàn ghế Âu Á 01 bộ giá trị tài sản 30.000.000 đồng. Tủ thờ 01 bộ trị giá tài sản 16.000.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản: 3.583.820.100đồng. (Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, tám trăm hai mươi ngàn, một trăm đồng)

Ngày 26/3/2021 chị G rút yêu cầu khởi kiện đối với 05 cây vang do vợ chồng tự thỏa thuận chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tài sản chị G yêu cầu giải quyết gồm: 01 thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13, có diện tích 337,3m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD571073 do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh cấp ngày 06/6/2011 mang tên Nguyễn Thế L và Nguyễn Thị G, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; 01 ngôi nhà hai tầng kiên cố, có diện tích sàn xây dựng 200m² tọa lạc trên thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13 tại thôn Tiên Vinh, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh; 01 thửa đất số 311, tờ bản đồ số 16, có diện tích 100m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 783787 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/6/2018, địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện H, thành phố Đ; 01 máy làm bún; 01 máy làm bánh; 01 bộ bàn ghế Âu Á gỗ; 01 tủ thờ.

Theo chứng thư thẩm định giá, quyền sử dụng đất thửa số 343, tờ bản đồ số 13 có giá trị tài sản là 972.320.100 đồng; quyền sử dụng đất thửa số 311, tờ bản đồ số 16 có giá trị tài sản là 1.500.000 đồng; Tài sản khác có giá trị tài sản là 76.000.000 đồng tổng trị giá tài sản là 3.583.820.100đồng là tài sản chung hợp pháp của chị Gấm, anh Lộc tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân

Về nguyên tắc tài sản chung chia đôi, tuy nhiên sau khi ly hôn anh L trực tiếp ở và sử dụng các tài sản khác từ khi vợ chồng ly hôn cho đến nay. Vì vậy, cần giao cho anh L sở hữu, sử dụng: 01 thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13, có diện tích 337,3m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD571073 tại do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh cấp ngày 06/6/2011 mang tên Nguyễn Thế L và Nguyễn Thị G, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình trị giá

tài sản 972.320.100 đồng; 01 ngôi nhà hai tầng kiên cố, có diện tích sàn xây dựng 200m² tọa lạc trên thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13 tại thôn T, xã G, huyện Q trị giá tài sản 1.035.500.000 đồng; 01 máy làm bún trị giá tài sản 15.000.000 đồng; 01 máy làm bánh; 01 bộ bàn ghế Âu Á gỗ; 01 tủ thờ. Tổng trị giá tài sản anh Lộc được nhận 2.083.820.100 đồng, nhưng anh L phải có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch về tài sản cho chị G là 291.910.000 đ (Hai trăm chín mươi một triệu, chín trăm mười nghìn đồng). Giao cho chị G sở hữu, sử dụng: 01 thửa đất số 311, tờ bản đồ số 16, có diện tích 100m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 783787 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/6/2018, địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện H, thành phố Đ trị giá tài sản 1.500.000.000 đồng. Và được nhận tiền chênh lệch về tài sản từ anh Nguyễn Thế L số tiền 291.910.000 đ (Hai trăm chín mươi một triệu, chín trăm mười nghìn đồng).

- Chị Gám rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 05 cây vàng 9999. Xét thấy việc chị G rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử.

- Anh L không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của chị G mà chỉ đồng ý chia diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho con trai và con gái của anh chị tên là Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị Thảo N. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và chị G cũng không đồng ý với yêu cầu này của anh L, tại thời điểm tạo lập được khối tài sản chung như trên thì các con của anh L vẫn còn nhỏ chưa có công sức đóng góp gì đối với tài sản chung của anh L và chị G. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của anh L.

[3] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 165, 235, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 59, 60, 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G:

- Giao cho anh Nguyễn Thế L sở hữu, sử dụng: 01 thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13, có diện tích 337,3m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD571073 tại do Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh cấp ngày 06/6/2011 mang tên Nguyễn Thế L và Nguyễn Thị G, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình trị giá tài sản 972.320.100 đồng; 01 ngôi nhà hai tầng kiên cố, có diện tích sàn xây dựng 200m² tọa lạc trên thửa đất số 343 tờ bản đồ số 13 tại thôn T, xã G, huyện Q trị giá tài sản 1.035.500.000 đồng; 01 máy làm bún trị giá tài sản 15.000.000 đồng; 01 máy làm bánh trị giá 15.000.000đ; 01 bộ bàn ghế Âu Á trị giá 30.000.000 đồng; 01 tủ thờ trị giá 16.000.000đồng. Tổng

trị giá tài sản anh L được nhận 2.083.820.100đ (Hai tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, tám trăm hai mươi ngàn một trăm đồng), nhưng anh L phải có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch về tài sản cho chị G là 291.910.000 đ (Hai trăm chín mươi một triệu, chín trăm mười nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản anh L được hưởng là 1.791.910.000 đồng

- Giao cho chị Nguyễn Thị G sở hữu, sử dụng: 01 thửa đất số 311, tờ bản đồ số 16, có diện tích 100m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 783787 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/6/2018, địa chỉ thửa đất: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng trị giá tài sản 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Và được nhận chênh lệch về tài sản từ anh Nguyễn Thế L số tiền 291.910.000 đ (Hai trăm chín mươi một triệu, chín trăm mười nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản chị G được hưởng là 1.791.910.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử 05 cây vàng 9999 do chị Nguyễn Thị G rút yêu cầu khởi kiện.

2. Về án phí:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G phải chịu nộp 65.757.000đ (Sáu mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 32.475.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0007271 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, chị G phải nộp tiếp số tiền 33.282.000 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Thế L phải chịu nộp 65.757.000đ (Sáu mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2021) để yêu cầu giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Quảng Ninh;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Châu Mạnh Cường

